**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**QUẬN THANH XUÂN**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2019/DS-ST
Ngày: 19/11/2019
V/v "*Tranh chấpHĐ vay tài sản*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Tuấn Phúc
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Chu Thị Tuyết
2. Ông Đỗ Quang Linh.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Hồng Hạnh - Thẩm tra viên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân:*** Không tham gia phiên toà.

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST- DS ngày 12/8/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2019/QĐXX-ST ngày 28/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-DS ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Thế D**- sinh năm 1967

Nơi cư trú: Chung cư T, Tòa C, phòng 1407 phường X ,quận B, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư, Công ty Luật TNHH F- Chi nhánh Thăng Long *(Giấy giới thiệu số 2019822/GGT-FC ngày 22/8/2019; Vào sổ đăng ký số 13/2019 ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội).* (Có mặt).

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị T**- sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Số 38, ngõ 155/206 đường T, phường P, quậnT, thành phố Hà Nội *(nay là số 28, ngõ 274 đường N, phường P, quận T, Hà Nội).* (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019, và toàn bộ lời khai tại Tòa án của nguyên đơn, ông Nguyễn Thế D trình bày:***

Do có sự quen biết bà Nguyễn Thị T là người cùng quê, ngày 10/3/2018 ông Nguyễn Thế D đã cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*), thời gian vay là 12 tháng; lãi suất tính theo lãi suất Ngân hàng. Bà T đã viết giấy vay, đồng thời cam kết trả nợ đúng hạn, nhưng từ đó đến nay bà T không trả cho ông D số tiền trên, mà cố tình chây ì, trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Do vậy, ông D đã khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông toàn bộ số tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Số tiền gốc là: 800.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn 9%/năm: 800.000.000 đồng x 9% = 72.000.000 đồng;
- Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn: (800.000.000đồng ) x (13,5%) : (12 tháng) x (02 tháng) = 18.000.000 đồng.

Tổng gốc và lãi = 890.000.000 đồng (*Tám trăm chín mươi triệu đồng).*

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ :

- Giấy vay tiền ngày 10/3/2018 (Bản chính);
- CMTND ông Nguyễn Thế D + Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao);
- CMTND bà Nguyễn Thị T (bản photo);
- Thông báo đòi nợ ngày 15/3/2019 + Cuống gửi bưu điện;
- Xác nhận nơi cư trú của bị đơn.

**Tại phiên tòa hôm nay:**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày, đề nghị Tòa án buộc bị đơn- bà Nguyễn Thị Trả số tiền gốc 800.000.000đ *(tám trăm triệu đồng),* và tiền lãi do vi phạm thời gian thanh toán theo quy định của pháp luật (cụ thể theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/01 năm (0,75%/tháng). Tính từ thời điểm bà T vay ngày 10/3/2018, tính đến ngày xét xử (19/11/2019) là 20 tháng 09 ngày.

Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 800.000.000đ x 0,75% x 20 tháng 09 ngày = 121.800.000đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán là 921.800.000 đồng *(Chín trăm hai mươi một triệu, tám trăm nghìn đồng)*. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư- ông Nguyễn Văn T, đồng quan điểm của nguyên đơn, và đề nghị Tòa án chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Theo bản tự khai ngày 25/9/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị Ttrình bày:***

Ngày 14/8/2019 bà Nguyễn Thị Tđã nhận được thông báo thụ lý số 40/2019/TB-TLVA, ngày 12/8/2019 về việc ông Nguyễn Thế D khởi kiện bà yêu cầu phải thanh toán nợ gốc 800.000.000 đồng và lãi, tổng cộng là 890.000.000 đồng. Quan điểm của bà đối với yêu cầu khởi kiện là: Bà xác nhận có nợ của ông Nguyễn Thế D số tiền 800.000.000đ (*tám trăm triệu đồng*). Tuy nhiên do điều kiện kinh tế tại thời điểm này khó khăn nên bà chưa trả ngay được cho ông D được. Bà xin chịu trách nhiệm của mình với ông D về khoản nợ gốc 800.000.000 đồng, bà sẽ lo hoàn trả số tiền này cho ông D bắt đầu từ tháng 3 năm 2020; thanh toán làm 03 đợt cụ thể vào tháng 3/2020, tháng 6/2020, tháng 9 năm 2020 tại Tòa án; đồng thời bà T đề nghị ông D xem xét miễn khoản tiền lãi do bà đang gặp khó khăn, không có khả năng thanh toán. Bà T đã có ý kiến trình bày tại bản tự khai tại Tòa án ngày 25/9/2019.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là bà T nhiều lần đến Tòa để tham gia phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên bà T đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ; Tòa án đã ra Quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ cho bà T đến lần thứ 2 nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 28/10/2019, Tòa án đã có thông báo về việc cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa, tuy nhiên trong vụ án này Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ. Căn cứ khoản 2 Điều 21- Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã có văn bản số 08/VKS-DS ngày 07/11/2019 từ chối không tham gia phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà T đều vắng mặt; ông Nguyễn Thế D có nguyện vọng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án ra quyết định đưa ra xét xử.

Ngày 12/11/2019, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử, tuy nhiên ông Nguyễn Văn T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn đề nghị xin hoãn phiên tòa vì lý do phải tham gia phiên tòa phúc thẩm tại Hà Nội; bà Nguyễn Thị Tvắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời ấn định thời gian mở lại phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Tvắng mặt, theo quy định khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào toàn bộ tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, và các chứng cứ khác đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Do có sự quen biết là người cùng quê, ngày 10/3/2018 ông Nguyễn Thế D đã cho bà Nguyễn Thị Tvay số tiền 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*), thời gian vay là 12 tháng; lãi suất tính theo lãi suất Ngân hàng. Bà T đã viết giấy vay, đồng thời cam kết trả nợ đúng hạn, nhưng từ đó đến nay bà T không trả cho ông D số tiền trên, mà cố tình chây ì, trốn tránh trách nhiệm trả nợ. Do vậy, nguyên đơn đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Tphải trả cho số tiền gốc là 800.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 19/11/2019 là 121.800.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn đề nghị bà T phải trả là: 921.800.000đ *(Chín trăm hai mươi mốt triệu tám trăm nghìn đồng).*

Tại bản tự khai, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 800.000.000 đồng *(Tám trăm triệu đồng)*, tuy nhiên do làm ăn khó khăn nên chưa trả ngay được cho nguyên đơn được. Bị đơn xin chịu trách nhiệm của mình với ông D về khoản nợ gốc 800.000.000 đồng, bị đơn sẽ lo hoàn trả số tiền này cho ông D bắt đầu từ tháng 3 năm 2020; thanh toán làm 03 đợt cụ thể vào tháng 3/2020, tháng 6/2020, tháng 9 năm 2020 tại Tòa án. Đồng thời đề nghị nguyên

đơn xem xét miễn khoản tiền lãi do bị đơn đang gặp khó khăn, không có khả năng thanh toán.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc vay tài sản giữa hai bên là có thật, được xác định tại giấy vay tiền ngày 10/3/2018 không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên là hợp pháp. Đây là hợp đồng vay tài sản xác định thời hạn và có lãi. Các bên đương sự xác nhận số tiền gốc còn nợ là 800.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi, tính theo lãi suất ngân hàng *(Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/ năm*), từ thời điểm vay ngày 10/3/2018, tính đến ngày 19/11/2019 là 20 tháng 09 ngày, cụ thể: 800.000.000đ x 0,75%/tháng x 20 tháng 09 ngày = 121.800.000 đồng là phù hợp với Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu gì khác.

Về án phí: - Bà Nguyễn Thị Tphải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Thế D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 3 điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 116, 117, 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 688 - Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế D đối với bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị Tphải có trách nhiệm thanh toán trả ông Nguyễn Thế D số tiền **921.800.000đ** ***(Chín trăm hai mươi mốt triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn)***. Trong đó: 800.000.000đ (*Tám trăm triệu đồng*) tiền gốc, và 121.800.000đ *(Một trăm hai mươi mốt triệu, tám trăm nghìn đồng)* tiền lãi.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 39.654.000đ *(Ba mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thế D được hoàn trả số tiền 18.200.000đ *(Mười tám triệu hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số 06221 ngày 12/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội.

3. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468- Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 - Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Án xử công khai sơ thẩm./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Phúc**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- Lưu.